

Số: 129/2022/QĐST-HNGĐ

*Châu Thành, ngày 03 tháng 11 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 về việc “*Xin ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị T**, năm sinh 1987.

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Sơn N**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn C, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2022,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trương Thị T và ông Sơn N.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Sơn N thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà Trương Thị T và ông Sơn N thỏa thuận thống nhất giao con chung tên Sơn Quốc N, sinh ngày 22/4/2011 cho ông Sơn N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Sơn Thị Kim A, sinh ngày 13/3/2015 cho bà Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng

các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho đương sự biết về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, nhưng đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị T và ông Sơn N thống nhất khai không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị T và ông Sơn N thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

\* Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Bà Trương Thị T và ông Sơn N thỏa thuận: Bà Trương Thị T tự nguyện nộp thay cho ông Sơn N. Do đó bà Trương Thị T phải chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí tại lai thu số 00014086 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền trên.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thảo Ngoan**